

Số: 1343 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản  
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung quy hoạch khu vực khoáng sản đất làm vật liệu san lấp vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 214/TTr-STNMT-TN ngày 27 tháng 5 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung khu vực mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh.

*(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/8/2017, Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 05/12/2019, Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày

25/02/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế không thay đổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Hương Thủy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Bộ Công thương;
- Bộ Xây dựng;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP và các CV;
- Công báo tỉnh và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Thiên Định**

## PHỤ LỤC

### ĐIỂM KHOÁNG SẢN BỔ SUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số: 1343 /QĐ-UBND ngày 08 / 6 /2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	SHQH	Tên mỏ khoáng sản	Địa danh (thôn/làng, xã, huyện)	Tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°)			Diện tích QH (ha)	Mức độ nghiên cứu địa chất	Tài nguyên dự báo	Hiện trạng
				Điểm khép góc	X(m)	Y(m)				
1	QHĐ40	Đất làm vật liệu san lấp	Khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy	M1	1.809.582,00	568.249,00	15	Đánh giá	1,2 triệu m <sup>3</sup> đất	khu vực khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy có hiện trạng là rừng trồng, quy hoạch 3 loại rừng là rừng sản xuất
				M2	1.809.715,79	568.411,99				
				M3	1.809.563,73	568.600,61				
				M4	1.809.304,08	568.725,16				
				M5	1.809.162,00	568.389,00				

# BẢN ĐỒ KHU VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN

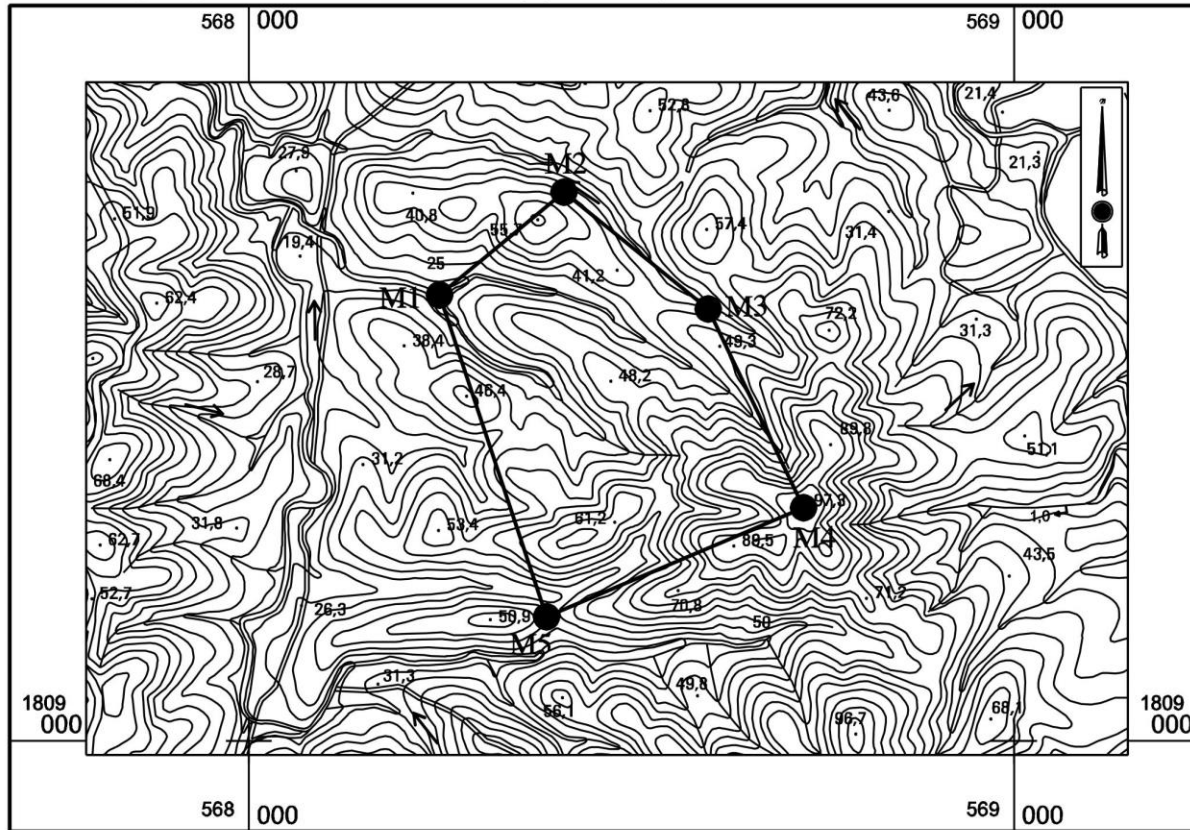
Đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thôn 4, xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

Diện tích: 15ha






(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
M1	1809582.00	568249.00
M2	1809715.79	568411.99
M3	1809563.73	568600.61
M4	1809304.08	568725.16
M5	1809162.00	568389.00



## CHỈ DẪN

-  Ranh giới quy hoạch
-  Đường bình độ cơ bản
-  Đường bình độ cái
-  Mốc và số thứ tự mốc ranh giới quy hoạch
-  Sông, suối

Tỷ lệ 1:10.000

